

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2019/DS-ST

Ngày: 4-9-2019.

V/v: tranh chấp hợp đồng vay và hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Cẩm Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Hai.
2. Ông Nguyễn Chí Công.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 4 tháng 9 năm 2019, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Lai Vung mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 71/2019/TLST-DS, ngày 20/3/2019, “V/v: tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2019/QĐXXST-DS ngày 22/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 483/2019/QĐXXST-DS ngày 13/8/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1946.

Địa chỉ: 181A/5, ấp T, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là: Luật sư Phạm Văn K, văn phong Luật sư Phạm Văn K, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

Bị đơn:

1. Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1969.
2. Nguyễn Thanh P, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: 528A/5, ấp T, xã P, huyện L, Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/02/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 13/03/2019, các biên bản lấy lời khai ngày 21/5/2019, ngày 6/8/2019, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, thông báo kết quả phiên họp và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị Kim H trình bày như sau: Từ năm 2015 đến năm 2017, bà Nguyễn Thị Đ có tham gia chơi các dây hụi do bà làm chủ như sau:

Dây hụi thứ nhất: Hụi tháng, khai ngày 21/11/2015 hàng tháng, giá 1.000.000đ gồm 25 hụi viên, bà Đ tham gia 01 phần, hụi mãn vào ngày 23/10/2017, bà Đ tham gia đến lần thứ hai thì hốt, sau đó đóng tiếp 03 lần hụi chết, còn lại 20 lần hụi chết là 20.000.000đ đến nay chưa đóng.

Dây hụi thứ hai: Hụi ngày, mỗi ngày khai 01 lần, giá 20.000đ gồm 60 hụi viên, bà Đ tham gia 35 phần, khai lần đầu vào ngày 02/02/2016, mãn vào ngày 02/4/2016, bà Đ hốt lần đầu hết 35 phần, đóng hụi chết được 20 ngày, còn lại 40 ngày là 28.000.000đ (20.000đ x 35 phần x 40 ngày = 28.000.000đ) đến nay chưa đóng.

Ngoài ra vào tháng 02/2016 âm lịch bà có cho bà Đ vay số tiền 15.000.000đ nhưng đến nay chưa trả. Vào ngày 22/8/2018 tại biên bản hòa giải của Ban nhân ấp T, xã P bà Đ thừa nhận còn nợ bà tiền hụi 48.000.000đ và vốn vay 15.000.000đ, tổng cộng 63.000.000đ, bà Đ trả được 11.900.000đ, còn 51.100.000đ, sau khi bà nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án bà Đ trả được 1.000.000đ, còn lại 50.100.000đ đến nay chưa trả. Nay bà yêu cầu bà Đ có nghĩa vụ trả cho bà tổng số tiền còn nợ 50.100.000đ (năm mươi triệu, một trăm nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi.

Trong các đơn khởi kiện và khởi kiện bổ sung bà có yêu cầu ông Nguyễn Thanh P (chồng bà Đ) liên đới cùng bà Đ trả cho bà số tiền 51.100.000đ, đến nay bà không yêu cầu ông P liên đới cùng bà Đ trả nợ cho bà.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H là Luật sư Phạm Văn K trình bày: Thống nhất lời trình bày bà H, không bổ sung gì thêm.

Đối với bị đơn bà H và ông P trực tiếp ký nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn cố tình vắng mặt nhưng có văn bản trình bày ý kiến tại Biên bản lấy lời khai ngày 21/5/2019 như sau: bà thừa nhận hiện nay bà còn nợ hụi và nợ vay của bà H tổng cộng 51.100.000đ đến nay chưa trả, bà cho rằng bà chơi hụi và vay tiền của bà H ông P hoàn toàn không biết. Nay bà đồng ý trả cho bà H 51.100.000đ, ngoài ra không trình bày gì thêm.

Ông Nguyễn Thanh P trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 21/5/2019 như sau: Ông là chồng của bà Đ, ông không có tham gia chơi hụi, vay tiền của bà H. Việc bà Đ có tham gia hụi và vay tiền của bà H ông không biết nên ông không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà H.

Phát biểu của Kiểm sát viên kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và nguyên đơn tham gia phiên tòa chấp hành

đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468 và 471 của Bộ luật dân sự năm 2015, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Hồng, buộc bà Đ có trách nhiệm trả cho bà H 50.100.000đ. Phát biểu của Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đ trả vốn 50.100.000đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn bà Đ và ông P trực tiếp ký nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Đ và ông P vẫn cố tình vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý.

[2] Về nội dung vụ án:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Đ trả nợ hụi 35.100.000đ và vốn vay 15.000.000đ, tổng cộng 50.100.000đ, không yêu cầu tính lãi là có căn cứ, bởi lẽ: tại Biên bản hòa giải ở ấp T, xã P ngày 22/8/2018, Biên bản lấy lời khai ngày 21/5/2019 bà Đ thừa nhận có nợ bà H số tiền 51.100.000đ và đồng ý trả. Tại phiên tòa, bà H cho rằng sau khi nhận được Quyết định xét xử của Tòa án bà Đ tiếp tục trả 1.000.000đ, còn lại 50.100.000đ đến nay chưa trả, do đó bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đ có nghĩa vụ trả nợ cho bà. Xét yêu cầu của bà Đ là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này.

Đối với bị đơn bà Đ và ông P kể từ khi thụ lý vụ án này, Tòa án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo luật định, bà Đ, ông P trực tiếp ký nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn cố tình vắng mặt nhưng bà Đ trình bày ý kiến tại Biên bản lấy lời khai ngày 21/05/2019, bà Đ thừa nhận có nợ tiền hụi và tiền vay của bà H tổng cộng 51.100.000đ và bà đồng ý trả số tiền này cho bà H. Tại phiên tòa, bà H trình bày bà Đ tiếp tục trả cho bà 1.000.000đ, còn lại 50.100.000đ đến nay chưa trả, điều này có lợi cho bà Đ nên Hội đồng xét xử buộc bà Đ có trách nhiệm trả cho bà H 50.100.000đ, phù hợp với các Điều 463, 466, 468 và 471 của Bộ luật dân sự.

Trong đơn khởi kiện bà H yêu cầu bà Đ và ông P liên đới trả 51.100.000đ nhưng tại phiên tòa bà chỉ yêu cầu bà Đ có trách nhiệm trả số tiền trên cho bà, không yêu cầu ông P liên đới trả nợ cho bà nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết và đình chỉ yêu cầu này.

Tại Điều 463 Bộ luật dân sự quy định: “Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”.

Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định: “1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của bà H nên bà Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 218; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468 và 471 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Thị Đ có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Kim H 50.100.000đ (năm mươi triệu một trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, đến khi thi hành án xong.

Đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim H yêu cầu ông Nguyễn Thanh P có trách nhiệm liên đới cùng bà Nguyễn Thị Đ trả số tiền 51.100.000đ.

2. Về án phí, tạm ứng án phí:

Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 2.505.000đ (hai triệu năm trăm lẻ năm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim H 1.365.000đ (một triệu ba trăm sáu mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án theo biên lai số 0008583, ngày 20/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (4/9/2019). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời gian kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Cẩm Hồng